

Số: **155**/QĐ-UBND

Yên Bái, ngày **28** tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Kịch bản chi tiết thu ngân sách địa phương năm 2022

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Chương trình hành động số 56-CTr/TU ngày 01 tháng 11 năm 2021 của Tỉnh ủy Yên Bái về lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị năm 2022;

Căn cứ Kết luận số 298-KL/TU ngày 27 tháng 01 năm 2022 của Thường trực Tỉnh ủy;

Căn cứ Nghị quyết số 67/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái về kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2022; Nghị quyết số 72/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái về dự toán ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 2766/QĐ-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2022; Quyết định số 2769/QĐ-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc ban hành quy định tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2022;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 138/TTr-STC ngày 24 tháng 01 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nguyên tắc xây dựng Kịch bản chi tiết thu ngân sách năm 2022

1. Đảm bảo đúng chủ trương của Tỉnh ủy tại Chương trình hành động số 56-CTr/TU ngày 01 tháng 11 năm 2021 về lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị năm 2022; kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 được Hội đồng nhân

dân tỉnh quyết định tại Nghị quyết số 67/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2021; Nghị quyết 72/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về dự toán ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2022; Quyết định số 2766/QĐ-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao dự toán thu chi ngân sách địa phương năm 2022.

2. Việc xây dựng kịch bản dựa trên đánh giá kết quả thực hiện thu ngân sách năm 2021, dự báo tình hình dịch bệnh, tác động của các yếu tố khách quan và chủ quan đến các nguồn thu năm 2022 cũng như loại trừ các nguồn thu đã ứng trước năm 2021 và các khoản thu có tính đột biến năm 2021.

3. Xây dựng kịch bản thu ngân sách từng tháng năm 2022 theo hướng phân đầu thực hiện ngay từ đầu năm.

4. Kịch bản thu tiền sử dụng đất dựa trên Đề án phát triển quỹ đất thu ngân sách giai đoạn 2021-2025; tiến độ, tình hình thực tế triển khai các dự án phát triển quỹ đất năm 2022 và đề xuất các quỹ đất mới ngoài đề án phát triển quỹ đất thu ngân sách giai đoạn 2021-2025.

5. Kịch bản thu hải quan dựa trên dự báo tình hình dịch bệnh, khả năng hồi phục của nền kinh tế trong và ngoài nước.

Điều 2. Phê duyệt Kịch bản chi tiết thu ngân sách địa phương năm 2022

1. Kịch bản chi tiết thu ngân sách địa phương năm 2022:

Tổng thu ngân sách nhà nước năm 2022 phân đầu đạt 5.100 tỷ đồng/4.600 tỷ đồng dự toán tỉnh giao, bằng 110,9% dự toán, tăng 500 tỷ đồng so với dự toán tỉnh giao. Trong đó: Thu cân đối 2.391 tỷ đồng/2.180 tỷ đồng, bằng 109,7% dự toán, tăng 211 tỷ đồng so với dự toán; Thu tiền thuê đất trả tiền một lần 180 tỷ đồng/150 tỷ đồng, bằng 120% dự toán, tăng 30 tỷ đồng so với dự toán; Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết 40 tỷ đồng/33 tỷ đồng, bằng 121,2% dự toán, tăng 7 tỷ đồng so với dự toán; Thu tiền sử dụng đất: 2.069 tỷ đồng/1.837 tỷ đồng, bằng 112,6% dự toán, tăng 232 tỷ đồng so với dự toán (trong đó: Thu tiền sử dụng đất khối tỉnh 909 tỷ đồng/786 tỷ đồng, bằng 115,6% dự toán, tăng 123 tỷ đồng so với dự toán; Thu tiền sử dụng đất khối huyện 1.160 tỷ đồng/1.051 tỷ đồng, bằng 110,4% dự toán, tăng 109 tỷ đồng so với dự toán); Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu 420 tỷ đồng/400 tỷ đồng, bằng 105% dự toán, tăng 20 tỷ đồng. Chi tiết kịch bản thu của từng quý trong năm 2022 như sau:

1.1. Thu ngân sách quý I/2022:

Tổng thu quý I/2022 là 950,2 tỷ đồng, bằng 20,7% so với dự toán. Trong đó:

- Thu cân đối: 456,7 tỷ đồng;
- Thu tiền thuê đất trả tiền một lần: 24,4 tỷ đồng;
- Thu xổ số kiến thiết: 8 tỷ đồng;
- Thu tiền sử dụng đất: 376,2 tỷ đồng;
- Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu: 85 tỷ đồng.

1.2. Thu ngân sách quý II/2022:

Tổng thu quý II/2022 là 1.120,7 tỷ đồng, lũy kế thu 6 tháng đạt 2.070,9 tỷ đồng, bằng 45% so với dự toán. Trong đó:

- Thu cân đối: 554 tỷ đồng;
- Thu tiền thuê đất trả tiền một lần: 0 tỷ đồng;
- Thu xổ số kiến thiết: 8,9 tỷ đồng;
- Thu tiền sử dụng đất: 457,8 tỷ đồng;
- Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu: 100 tỷ đồng.

1.3. Thu ngân sách quý III/2022:

Tổng thu quý III/2022 là 1.456 tỷ đồng, lũy kế thu 9 tháng đạt 3.526,9 tỷ đồng, bằng 76,7% so với dự toán. Trong đó:

- Thu cân đối: 588,9 tỷ đồng;
- Thu tiền thuê đất trả tiền một lần: 93 tỷ đồng;
- Thu xổ số kiến thiết: 10 tỷ đồng;
- Thu tiền sử dụng đất: 659,1 tỷ đồng;
- Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu: 105 tỷ đồng.

1.4. Thu ngân sách quý IV/2022:

Tổng thu quý IV/2022 là 1.573,2 tỷ đồng, lũy kế thu năm 2022 đạt 5.100 tỷ đồng, bằng 110,9% so với dự toán. Trong đó:

- Thu cân đối: 791,5 tỷ đồng;
- Thu tiền thuê đất trả tiền một lần: 62,6 tỷ đồng;
- Thu xổ số kiến thiết: 13,1 tỷ đồng;
- Thu tiền sử dụng đất: 575,9 tỷ đồng;
- Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu: 130 tỷ đồng.

(Chi tiết theo Phụ lục số 01, Phụ lục số 02 đính kèm)

2. Nhiệm vụ và một số giải pháp thực hiện thu ngân sách năm 2022

2.1. Giải pháp chung

Điều hành linh hoạt kịch bản thu ngân sách năm 2022 theo nguyên tắc đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ thu ngân sách cả năm; số thu từng quý chưa hoàn thành được điều chỉnh tăng vào quý tiếp theo để tổ chức thực hiện.

Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục Thuế tỉnh, Chi cục Hải quan Yên Bái thực hiện tốt công tác tham mưu cho Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh về tổ chức chỉ đạo, điều hành thu ngân sách trên địa bàn, trong đó tập trung các giải pháp liên quan đến thuế như: Tăng cường chất lượng công tác thanh tra, kiểm tra, chống thất thu, buôn lậu, gian lận thương mại, quản lý chặt chẽ giá tính thuế, chống chuyển giá,... nhằm phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ giao; có sự phối hợp chặt chẽ với các sở, ngành, địa phương trong điều hành nhiệm vụ thu ngân sách.

Triển khai đồng bộ, quyết liệt và có hiệu quả các giải pháp về phát triển kinh tế - xã hội; đổi mới về cơ chế, chính sách, cải cách thủ tục hành chính; cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, đẩy mạnh mời gọi, thu hút đầu tư; tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp, nhất là về thủ tục hành chính, thuế, đất đai, giải phóng mặt bằng;... để thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh, tạo nguồn thu bền vững cho ngân sách.

Rà soát, điều chỉnh bổ sung quy trình về dự án đầu tư, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án của các nhà đầu tư cũng như đảm bảo tiến độ thu ngân sách năm 2022.

Tăng cường công tác quản lý thu, thu nợ, thanh tra, kiểm tra, chống thất thu thuế, phân công, giao rõ trách nhiệm của từng cấp, từng ngành, từng tập thể, cá nhân trong công tác thu ngân sách; Tiếp tục duy trì và tăng cường hoạt động của các Ban Chỉ đạo thu ngân sách các cấp trong công tác quản lý và khai thác nguồn thu ngân sách, chống thất thu, thu hồi nợ đọng thuế; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm về thuế, gian lận thương mại trong phạm vi địa bàn quản lý. Cùng với đó, duy trì Tổ rà soát hoạt động Cấp quyền khai thác khoáng sản của địa phương đã được thành lập năm 2021 tiếp tục thực hiện nhiệm vụ năm 2022.

Tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu các sở, ngành, địa phương trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách năm 2022. Kịp thời khen thưởng đối với những tập thể, cá nhân đạt thành tích tốt cũng như xử lý phê bình, kỷ luật những trường hợp thiếu trách nhiệm, không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm pháp luật.

2.2. Nhiệm vụ và giải pháp cụ thể

a) Về thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất

Cải cách, giảm thiểu tối đa thời gian giải quyết các thủ tục hành chính của các sở, ngành trong việc thực hiện các trình tự thẩm định hồ sơ các dự án phát triển quỹ đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quản lý việc sử dụng đất đai từ khâu quy hoạch sử dụng đất, lập hồ sơ địa chính, phát triển quỹ đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chuyển nhượng đất đai để quản lý và thu ngân sách đầy đủ, kịp thời theo đúng chế độ quy định.

Tập trung tối đa các nguồn lực thực hiện quyết liệt công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, đầu tư tạo quỹ đất, phát triển quỹ đất theo quy hoạch để đấu giá quyền sử dụng đất theo kế hoạch, đồng thời phải bảo đảm đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Các sở, ngành tập trung hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trong thời gian sớm nhất. Sở Tư pháp chủ trì nghiên cứu, xử lý tháo gỡ về thủ tục đấu giá đất, thời gian nộp tiền sử dụng đất quy định tại Quyết định 12/2018/QĐ-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái.

Cục thuế chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Trung tâm Phát triển quỹ đất rà soát, đôn đốc, thu hồi nợ đọng tiền sử dụng đất đối với các quỹ đất đã đấu giá, đảm bảo thu đủ số phải nộp ngân sách theo đúng thời gian quy định. Có biện pháp xử lý kịp thời đối với những trường hợp chậm nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.

Tập trung nguồn lực xử lý dứt điểm các tồn tại, vướng mắc của các dự án phát triển quỹ đất giai đoạn 2016-2019.

Rà soát, điều chỉnh, bổ sung kịp thời các đề án xây dựng, quy hoạch liên quan đến khu vực có dự án để đẩy nhanh tiến độ thực hiện của các dự án. Rà soát lại quy trình, thủ tục cho phù hợp đối với các dự án đấu thầu đất để có phương án thu cho hợp lý. Nghiên cứu, rà soát lại các dự án phát triển quỹ đất, nhất là các dự án phức tạp trong công tác đền bù, giải phóng mặt bằng để điều chỉnh từ cấp tỉnh về cấp huyện thực hiện.

Đối với các quỹ đất phải thực hiện quy trình chuyển mục đích sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng rừng phải khẩn trương triển khai làm sớm các thủ tục, hồ sơ theo đúng quy định, đảm bảo tiến độ thực hiện của các dự án. Tiếp tục nghiên cứu, rà soát việc hợp thức hóa đất ở trong dân để làm cơ sở giao thêm chỉ tiêu thu tiền sử dụng đất cho các huyện, thị xã, thành phố.

Đối với các dự án có liên quan đến tài sản công: khẩn trương thực hiện song song các hồ sơ để đảm bảo tiến độ của dự án, tuy nhiên vẫn phải thực hiện theo đúng trình tự quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

b) Về thu cân đối và các khoản thu khác

Tiếp tục thực hiện tốt công tác cải cách hiện đại hóa hệ thống thuế, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuế, nâng cao chất lượng dịch vụ kê khai, nộp thuế, hoàn thuế điện tử, hóa đơn điện tử. Tổ chức bộ phận trực đảm bảo hệ thống công nghệ thông tin thông suốt để hỗ trợ người nộp thuế thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước từ khâu đăng ký, kê khai, nộp thuế, hoàn thuế điện tử mà không cần phải đến trực tiếp cơ quan thuế, giảm thời gian thực hiện các thủ tục tạo thuận lợi cho người nộp thuế thực hiện nghĩa vụ với thu ngân sách nhà nước. Trong đó, tăng cường tuyên truyền, vận động và hướng dẫn người nộp thuế sử dụng hóa đơn điện tử trong kinh doanh đúng lộ trình; duy trì và cung cấp các dịch vụ thuế điện tử (khai, nộp, hoàn thuế và xác nhận số nộp bằng phương thức điện tử...) để giảm thời gian thực hiện cho doanh nghiệp.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, chống thất thu thuế trên cơ sở phân tích, đánh giá mức độ rủi ro trong thu nộp thuế của người nộp thuế. Đẩy mạnh công tác kiểm tra hồ sơ khai thuế tại trụ sở cơ quan thuế, thực hiện giám sát 100% hồ sơ thuế do người nộp thuế gửi đến để kịp thời yêu cầu người nộp thuế kê khai bổ sung các hồ sơ khai sai, khai thiếu nghĩa vụ thuế nhằm hạn chế tối đa việc thất thu ngân sách nhà nước. Tập trung thanh tra, kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế đối với các doanh nghiệp thuộc ngành nghề, lĩnh vực có rủi ro cao, các doanh nghiệp hoàn thuế GTGT hàng hóa xuất khẩu, các doanh nghiệp được hưởng ưu đãi miễn giảm thuế, doanh nghiệp lỗ có dấu hiệu chuyển giá,... đảm bảo hoàn thành kế hoạch được giao.

Triển khai quyết liệt công tác quản lý thu nợ và cưỡng chế nợ thuế. Phối hợp chặt chẽ với cấp ủy, chính quyền địa phương trên địa bàn trong việc thu hồi nợ đọng thuế. Định kỳ công bố danh sách doanh nghiệp nợ thuế trên các phương tiện

thông tin. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư triển khai biện pháp cưỡng chế thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Rà soát lại các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh, tập trung vào các doanh nghiệp mới, các doanh nghiệp đã hết thời gian ưu đãi đầu tư,... để thu đúng, thu đủ tiền thuế vào ngân sách nhà nước. Rà soát lại các doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp xuất, nhập khẩu đóng trên địa bàn tỉnh nhưng chưa kê khai, nộp thuế tại tỉnh để động viên các doanh nghiệp đóng góp số thu cho tỉnh

Đẩy mạnh mời gọi, thu hút đầu tư; tăng cường đối thoại, giải đáp các vướng mắc, kiến nghị để chủ động tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp, nhất là về thủ tục hành chính, thuế, môi trường đầu tư kinh doanh, đất đai, giải phóng mặt bằng, tiếp cận vốn, tiêu thụ sản phẩm; nâng cao hiệu quả công tác xúc tiến thương mại, xúc tiến đầu tư, xúc tiến du lịch;... để thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh, tạo nguồn thu bền vững cho ngân sách.

Tập trung chống thất thu trong lĩnh vực Hải quan qua kiểm tra giá trị tính thuế; qua phân loại và áp mức thuế, đặc biệt hàng hóa có thuế suất cao, kim ngạch xuất nhập khẩu lớn, tăng cường phối hợp giữa các ngành ngăn chặn hành vi gian lận thương mại qua giá, thuế, CO... tăng cường kiểm tra, giám sát hải quan, chủ động phát hiện và ngăn chặn, xử lý hành vi gian lận thương mại đối với hàng hóa vận chuyển độc lập.

Đối với thu từ hoạt động xổ số kiến thiết: tăng cường đấu tranh phòng, chống tội phạm, tệ nạn cờ bạc dưới hình thức lô, đề và tăng cường hoạt động kinh doanh phát hành xổ số kiến thiết trên địa bàn tỉnh.

Hằng tháng, Sở Tài chính chủ trì phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục Thuế tỉnh, Chi cục Hải quan Yên Bái, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức rà soát, đánh giá tiến độ từng nguồn thu, địa bàn thu để tháo gỡ khó khăn, điều hành thu được kịp thời, phù hợp với tình hình thực tế, đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ thu ngân sách năm 2022.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Căn cứ nội dung Kịch bản thu ngân sách được phê duyệt tại Quyết định này, Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục Thuế tỉnh, Chi cục Hải quan Yên Bái, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các sở, ngành liên quan theo chức năng, nhiệm vụ, phạm vi quản lý xây dựng kế hoạch thu ngân sách năm 2022 của cơ quan, đơn vị, địa phương mình để tổ chức thực hiện đảm bảo kịp thời, hiệu quả, hoàn thành tốt nhiệm vụ thu ngân sách năm 2022 được giao.

2. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương thường xuyên rà soát, đánh giá tiến độ thu ngân sách để tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh điều hành thu ngân sách hiệu quả và kịp thời điều chỉnh lại Kịch bản thu theo tình hình thực tế.

3. Chế độ thông tin báo cáo

- Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục Thuế tỉnh, Chi cục Hải quan Yên Bái, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố: định kỳ hằng tháng, báo cáo kết quả, tiến độ thực hiện Kịch bản thu ngân sách năm 2022 theo lĩnh vực, phạm vi quản lý, gửi Sở Tài chính tổng hợp trong ngày cuối cùng của tháng.

- Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả, tiến độ thực hiện Kịch bản thu ngân sách năm 2022 trong ngày đầu tiên của tháng tiếp theo (Giao Sở Tài chính xây dựng nội dung, mẫu biểu báo cáo để thực hiện thống nhất chung trong toàn tỉnh).

4. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các sở, ngành, địa phương kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tài chính) để xem xét, giải quyết.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan Yên Bái, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Yên Bái; thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy;
- HĐND các huyện, TX, TP;
- Như Điều 4 QĐ;
- Các Phó Chánh UBND tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, TKTH, TNMT, TC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



(Handwritten signature in blue ink)

Trần Huy Tuấn

Phụ lục số 01:
KỊCH BẢN THU NGÂN SÁCH NĂM 2022
(Kèm theo Quyết định số **155**/QĐ-UBND ngày **28** tháng 01 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Nội dung các khoản thu	Dự toán giao 2022		KỊCH BẢN THU NGÂN SÁCH NĂM 2022																						
		TW giao	Tinh giao	Quý I				Quý II					Quý III					Quý IV								
				Tổng cộng	Trong đó			So với DT (%)	Tổng cộng	Trong đó			Lũy kế 2 quý	So với DT (%)	Tổng cộng	Trong đó			Lũy kế 3 quý	So với DT (%)	Tổng cộng	Trong đó			Lũy kế cả năm	So với DT (%)
					Tháng 01	Tháng 02	Tháng 3			Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6				Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9				Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25
	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	2.587.900	4.600.000	950.220	370.070	240.930	339.220	20,7	1.120.657	350.810	360.020	409.827	2.070.877	45,0	1.455.973	479.000	434.050	542.923	3.526.850	76,7	1.573.150	525.450	455.970	591.730	5.100.000	110,9
I	Thu cân đối	1.630.900	2.180.000	456.650	180.010	124.630	152.010	20,9	553.947	176.510	201.020	176.417	1.010.597	46,4	588.873	219.000	177.250	192.623	1.599.470	73,4	791.530	279.150	226.470	285.910	2.391.000	109,7
1	Thu từ doanh nghiệp trung ương	175.000	190.000	32.550	12.760	8.630	11.160	17,1	45.927	15.010	13.870	17.047	78.477	41,3	52.923	20.950	15.950	16.023	131.400	69,2	68.600	31.860	15.970	20.770	200.000	105,3
2	Thu từ doanh nghiệp địa phương	177.000	240.000	55.000	30.250	10.750	14.000	22,9	57.150	22.700	16.850	17.600	112.150	46,7	61.850	22.450	19.300	20.100	174.000	72,5	86.000	30.950	24.550	30.500	260.000	108,3
3	Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	80.000	95.000	20.000	6.300	5.800	7.900	21,1	25.200	10.400	7.400	7.400	45.200	47,6	27.100	12.500	7.300	7.300	72.300	76,1	27.700	11.900	7.900	7.900	100.000	105,3
4	Thu ngoài quốc doanh	513.000	790.000	190.900	75.100	58.000	57.800	24,2	177.100	64.000	56.800	56.300	368.000	46,6	215.400	83.500	61.900	70.000	583.400	73,8	266.600	90.500	78.400	97.700	850.000	107,6
5	Lệ phí trước bạ	152.000	178.000	32.850	12.300	9.000	11.550	18,5	44.850	11.300	18.100	15.450	77.700	43,7	54.750	18.500	17.600	18.650	132.450	74,4	67.550	20.100	20.750	26.700	200.000	112,4
6	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	3.000	3.500	100		50	50	2,9	2.900		2.900		3.000	85,7					3.000	85,7	500	500			3.500	100,0
7	Thuế thu nhập cá nhân	110.000	135.000	29.750	8.600	6.900	14.250	22,0	37.450	14.100	11.750	11.600	67.200	49,8	36.300	14.850	11.600	9.850	103.500	76,7	46.500	16.900	12.100	17.500	150.000	111,1
8	Thuế bảo vệ môi trường	165.000	170.000	42.600	14.050	14.000	14.550	25,1	42.800	14.600	14.100	14.100	85.400	50,2	45.300	15.100	15.100	15.100	130.700	76,9	44.300	14.100	15.100	15.100	175.000	102,9
	- Thu từ hàng hóa nhập khẩu	85.800	90.500	22.678	7.480	7.453	7.746	25,1	22.785	7.772	7.506	7.506	45.463	50,2	24.116	8.039	8.039	8.039	69.579	76,9	23.583	7.506	8.039	8.039	93.162	102,9
	- Thu từ hàng hóa sản xuất trong nước	79.200	79.500	19.922	6.570	6.547	6.804	25,1	20.015	6.828	6.594	6.594	39.937	50,2	21.184	7.061	7.061	7.061	61.121	76,9	20.717	6.594	7.061	7.061	81.838	102,9
9	Thu phi, lệ phí	90.000	101.000	25.700	11.950	5.250	8.500	25,4	25.750	6.350	10.350	9.050	51.450	50,9	28.450	9.550	9.600	9.300	79.900	79,1	41.100	12.400	12.700	16.000	121.000	119,8
	- Phi lệ phí trung ương	11.000	9.600	2.443	1.136	499	808	25,4	2.448	604	984	860	4.890	50,9	2.704	908	912	884	7.594	79,1	3.907	1.179	1.207	1.521	11.501	119,8
	- Phi lệ phí tỉnh, huyện	79.000	91.400	23.257	10.814	4.751	7.692	25,4	23.302	5.746	9.366	8.190	46.560	50,9	25.746	8.642	8.688	8.416	72.306	79,1	37.193	11.221	11.493	14.479	109.499	119,8
10	Thu tiền cho thuê mặt đất hằng năm	20.000	26.500	800			800	3,0	12.720	50	11.500	1.170	13.520	51,0	2.100	700	900	500	15.620	58,9	14.880	10.440	3.200	1.240	30.500	115,1
11	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	70.000	150.000	9.000	2.500	1.500	5.000	6,0	55.000	10.000	30.000	15.000	64.000	42,7	33.000	10.000	8.000	15.000	97.000	64,7	73.000	25.000	20.000	28.000	170.000	113,3
	- Giấy phép do trung ương cấp	55.000	117.700	7.062	1.962	1.177	3.923	6,0	43.157	7.847	23.540	11.770	50.219	42,7	25.894	7.847	6.277	11.770	76.113	64,7	57.281	19.617	15.693	21.971	133.393	113,3
	- Giấy phép do địa phương cấp	15.000	32.300	1.938	538	323	1.077	6,0	11.843	2.153	6.460	3.230	13.781	42,7	7.106	2.153	1.723	3.230	20.887	64,7	15.719	5.383	4.307	6.029	36.607	113,3
12	Thu khác ngân sách (bao gồm cả thu tại xã)	75.000	100.000	17.400	6.200	4.750	6.450	17,4	26.100	8.000	7.400	10.700	43.500	43,5	31.700	10.900	10.000	10.800	75.200	75,2	54.800	14.500	15.800	24.500	130.000	130,0
	- Thu phạt vi phạm hành chính trật tự ATGT	25.000	26.800	4.663	1.662	1.273	1.729	17,4	6.995	2.144	1.983	2.868	11.658	43,5	8.496	2.921	2.680	2.894	20.154	75,2	14.686	3.886	4.234	6.566	34.840	130,0
	- Thu phạt vi phạm hành chính do ngành thuế phạt và các khoản thu khác của NSTW	7.000	8.000	1.392	496	380	516	17,4	2.088	640	592	856	3.480	43,5	2.536	872	800	864	6.016	75,2	4.384	1.160	1.264	1.960	10.400	130,0
	- Thu tại xã	3.000	4.300	748	267	204	277	17,4	1.122	344	318	460	1.871	43,5	1.363	469	430	464	3.234	75,2	2.356	624	679	1.054	5.590	130,0
	- Thu hoa lợi công sản khác	40.000	60.900	10.597	3.776	2.893	3.928	17,4	15.895	4.872	4.507	6.516	26.492	43,5	19.305	6.638	6.090	6.577	45.797	75,2	33.373	8.831	9.622	14.921	79.170	130,0
13	Thu cổ tức lợi nhuận	900	1.000						1.000			1.000	1.000	100,0					1.000	100,0					1.000	100,0
II	Thu tiền thuê đất trả tiền một lần		150.000	24.360	8.360	8.000	8.000	16,2					24.360	16,2	93.000	30.000	30.000	33.000	117.360	78,2	62.640	20.000	20.000	22.640	180.000	120,0
III	Thu xổ số kiến thiết	27.000	33.000	8.000	2.500	2.800	2.700	24,2	8.900	2.900	3.000	3.000	16.900	51,2	10.000	3.500	3.500	3.000	26.900	81,5	13.100	4.000	3.500	5.600	40.000	121,2
IV	Thu tiền sử dụng đất	700.000	1.837.000	376.210	154.200	85.500	136.510	20,5	457.810	141.400	126.000	190.410	834.020	45,4	659.100	191.500	188.300	279.300	1.493.120	81,3	575.880	182.300	166.000	227.580	2.069.000	112,6
1	Khởi tỉnh		786.000	132.910	40.000	40.000	52.910	16,9	164.310	50.000	50.000	64.310	297.220	37,8	373.000	100.000	100.000	173.000	670.220	85,3	238.780	70.000	70.000	98.780	909.000	115,6
2	Khởi huyện		1.051.000	243.300	114.200	45.500	83.600	23,1	293.500	91.400	76.000	126.100	536.800	51,1	286.100	91.500	88.300	106.300	822.900	78,3	337.100	112.300	96.000	128.800	1.160.000	110,4
V	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	230.000	400.000	85.000	25.000	20.000	40.000	21,3	100.000	30.000	30.000	40.000	185.000	46,3	105.000	35.000	35.000	35.000	290.000	72,5	130.000	40.000	40.000	50.000	420.000	105,0

Phụ lục số 02:
PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ THU NGÂN SÁCH NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số **155** /QĐ-UBND ngày **28** tháng 01 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

Số TT	Nội dung các khoản thu	Dự toán 2022			PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ			Ghi chú
		TW giao	Tỉnh giao	Kịch bản	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Lãnh đạo tỉnh phụ trách	
A	B	1	2	3	4	5	6	7
	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	2.587.900	4.600.000	5.100.000				
I	Thu cân đối	1.630.900	2.180.000	2.391.000				
1	Thu từ doanh nghiệp trung ương	175.000	190.000	200.000	Cục thuế, các Chi cục thuế	Sở Tài chính, UBND cấp huyện	Đồng chí Ngô Hạnh Phúc - Phó Chủ tịch UBND tỉnh	
2	Thu từ doanh nghiệp địa phương	177.000	240.000	260.000	Cục thuế, các Chi cục thuế	Sở Tài chính, UBND cấp huyện	Đồng chí Ngô Hạnh Phúc - Phó Chủ tịch UBND tỉnh	
3	Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	80.000	95.000	95.000	Cục thuế, các Chi cục thuế	Sở Tài chính, UBND cấp huyện	Đồng chí Ngô Hạnh Phúc - Phó Chủ tịch UBND tỉnh	
4	Thu ngoài quốc doanh	513.000	790.000	850.000	Cục thuế, các Chi cục thuế	Sở Tài chính, UBND cấp huyện	Đồng chí Ngô Hạnh Phúc - Phó Chủ tịch UBND tỉnh	
5	Lệ phí trước bạ	152.000	178.000	200.000	Cục thuế, các Chi cục thuế	Sở Tài chính, UBND cấp huyện	Đồng chí Ngô Hạnh Phúc - Phó Chủ tịch UBND tỉnh	
6	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	3.000	3.500	3.500	Cục thuế, các Chi cục thuế	Sở Tài chính, UBND cấp huyện	Đồng chí Ngô Hạnh Phúc - Phó Chủ tịch UBND tỉnh	
7	Thuế thu nhập cá nhân	110.000	135.000	150.000	Cục thuế, các Chi cục thuế	Sở Tài chính, UBND cấp huyện	Đồng chí Ngô Hạnh Phúc - Phó Chủ tịch UBND tỉnh	
8	Thuế bảo vệ môi trường	165.000	170.000	175.000	Cục thuế, các Chi cục thuế	Sở Tài chính, UBND cấp huyện	Đồng chí Ngô Hạnh Phúc - Phó Chủ tịch UBND tỉnh	
	- Thu từ hàng hóa nhập khẩu	85.800	90.500	93.162				
	- Thu từ hàng hóa sản xuất trong nước	79.200	79.500	81.838				
9	Thu phí, lệ phí	90.000	101.000	121.000	Cục thuế, các Chi cục thuế	Sở Tài chính, UBND cấp huyện	Đồng chí Ngô Hạnh Phúc - Phó Chủ tịch UBND tỉnh	
	- Phí lệ phí trung ương	11.000	9.600	11.501				
	- Phí lệ phí tỉnh, huyện	79.000	91.400	109.499				

Số TT	Nội dung các khoản thu	Dự toán 2022			PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ			Ghi chú
		TW giao	Tỉnh giao	Kịch bản	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Lãnh đạo tỉnh phụ trách	
A	B	1	2	3	4	5	6	7
10	Thu tiền cho thuê mặt đất hằng năm	20.000	26.500	30.500	Sở Tài nguyên và Môi trường	Cục thuế, Sở Tài chính	Đồng chí Ngô Hạnh Phúc - Phó Chủ tịch UBND tỉnh	
11	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	70.000	150.000	180.000	Sở Tài nguyên và Môi trường	Cục thuế, Sở Tài chính	Đồng chí Ngô Hạnh Phúc - Phó Chủ tịch UBND tỉnh	
	- Giấy phép do trung ương cấp	55.000	117.700	141.240				
	- Giấy phép do địa phương cấp	15.000	32.300	38.760				
12	Thu khác ngân sách (bao gồm cả thu tại xã)	75.000	100.000	125.000	Công an tỉnh, Chi cục kiểm lâm, cục QLTT, Thanh tra tỉnh; UBND cấp huyện, Công an, hạt kiểm lâm cấp huyện	Phòng Tài chính - Kế hoạch, các Chi cục thuế	Đồng chí Ngô Hạnh Phúc - Phó Chủ tịch UBND tỉnh	
	- Thu phạt vi phạm hành chính trật tự ATGT	25.000	26.800	33.500	Công an tỉnh			
	- Thu phạt vi phạm hành chính do ngành thuế phạt và các khoản thu khác của NSTW	7.000	8.000	10.000	Cục thuế			
	- Thu tại xã	3.000	4.300	5.375	Cục thuế			
	- Thu hoa lợi công sản khác	40.000	60.900	76.125	Cục thuế			
13	Thu cổ tức lợi nhuận	900	1.000	1.000	Cục thuế	Các doanh nghiệp nhà nước, Sở Tài chính	Đồng chí Ngô Hạnh Phúc - Phó Chủ tịch UBND tỉnh	
II	Thu tiền thuê đất trả tiền một lần		150.000	180.000	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Tài chính, Cục thuế, UBND cấp huyện	Đồng chí Nguyễn Thế Phước - Phó Chủ tịch TT UBND tỉnh	
III	Thu xổ số kiến thiết	27.000	33.000	39.000	Công ty TNHH 1 thành viên XSKT và công ty TNHH 1 thành viên xổ số điện toán	Cục thuế, Sở Tài chính	Đồng chí Ngô Hạnh Phúc - Phó Chủ tịch UBND tỉnh	
IV	Thu tiền sử dụng đất	700.000	1.837.000	2.070.000				
	- Khối tỉnh		786.000	910.000	Sở TNMT	Cục thuế, Sở Tài chính	Đồng chí Nguyễn Thế Phước - Phó Chủ tịch TT UBND tỉnh	

Số TT	Nội dung các khoản thu	Dự toán 2022			PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ			Ghi chú
		TW giao	Tỉnh giao	Kịch bản	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Lãnh đạo tỉnh phụ trách	
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>
	- Khối huyện		1.051.000	1.160.000	UBND cấp huyện	Sở TNMT, Sở Tài chính, Chi cục thuế khu vực	Đồng chí Nguyễn Thế Phước - Phó Chủ tịch TT UBND tỉnh	
V	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	230.000	400.000	420.000	Chi cục Hải quan	Cục thuế, Sở Tài chính	Đồng chí Ngô Hạnh Phúc - Phó Chủ tịch UBND tỉnh	